

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **20/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 21-9-2017

“V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2017/ST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Ngọc L, sinh năm 1980 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Tăng Thu H; sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố Z, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Ngọc L trình bày:

Ông Dương Ngọc L và bà Tăng Thu H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2006 tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng ông L, bà H chung sống hạnh phúc đến

khoảng tháng 10 năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H tự ý đi vay tiền mà không bàn bạc với gia đình và cha mẹ ông L phải đứng ra trả nợ. Từ đó, bà H và ông L thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau bà H lại bế con về quê ngoại. Ông L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông L và bà H có 02 người con chung là Dương Ngọc H, sinh ngày 18/6/2008 và Dương Ngọc T, sinh ngày 09/7/2015. Ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc H cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi, giao cháu Dương Ngọc T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 04/7/2017, bà Tăng Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Dương Ngọc L.

Về con chung: Bà H đồng ý giao con chung là Dương Ngọc H sinh ngày 18/6/2008 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi, bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc T, sinh ngày 09/7/2015 cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Ngọc L, chấp nhận yêu cầu của ông L về con chung: giao con chung là Dương Ngọc H cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi, giao cháu Dương Ngọc T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Ngọc L có mặt, bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Tăng Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn ông Dương Ngọc L và bị đơn là bà Tăng Thu H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận họ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P (cũ), tỉnh Bình Phước vào năm 2006, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà H tự ý vay tiền không bàn bạc với gia đình và gia đình của ông L phải đứng ra trả nợ thay cho bà H, mỗi khi vợ chồng cãi nhau thì bà H lại về ngoại, nhiều lần như vậy dẫn đến ông Dương Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên tại các phiên hòa giải và phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bà H cũng thống nhất với trình bày của ông L và đồng ý ly hôn. Quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện giữa các bên, mâu thuẫn giữa ông L và bà H là trầm trọng khi không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống khiến ông L xin Tòa giải quyết ly hôn. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trong thời gian chung sống có 02 người con chung là Dương Ngọc H sinh ngày 18/6/2008 và Dương Ngọc T, sinh ngày 09/7/2015. Đồng thời, Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ý kiến về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cụ thể là: ông L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc H cho cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi, bà H trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Dương Ngọc T cho cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi. Ông L và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

Ông Dương Ngọc L và bà Tăng Thu H được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Dương Ngọc L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Ngọc L: Ông Dương Ngọc L được ly hôn với bà Tăng Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Ngọc H, sinh ngày 18/6/2008 cho ông Dương Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi, giao con chung Dương Ngọc T, sinh ngày 09/7/2015 cho bà Tăng Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi. Ông L và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L, bà H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Dương Ngọc L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu

trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Dương Ngọc L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005697 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 20/7/2017. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo